

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P6+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		15+3+0	0+0+0	chuyen 4 pax p6-bk21
2		BK6+TD5	7:25	4+17	0+0		0+21	0+0	
3		P3+TD3	9:25	2+19	0+0		1+17	0+0	
4		BK19+TD5	9:25	3+17	0+0		0+15	0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD3 - P6 - BK21	CREW: TTrung - Linh - Huy	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TUÂN ĐẠT	TD3	26	1	12		93	XAYLAP	Vietnamese
2	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	TD3	34-35	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN MINH DŨNG	TD3	36-37	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	QUẦN VĂN KHANH	TD3	27	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ CÔNG THƯỜNG	TD3	24-25	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN SỸ	TD3	28	1	9		77	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN THANH NAM	TD3	22-23	2	20	20	77	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN THƯỜNG	TD3	45	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	32	1	3		98	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH TOÀN	TD3	44	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
11	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	39	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO TIỀN THIẾT	TD3	29	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH THOẠI	TD3	41	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	33	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	30-31	2	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	48	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	47	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	38	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	46	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH BẢO	TD3	42	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
21	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	40	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TỰ HỢP	TD3	43	1	3		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	27	192	1.648	20	17		chuyen 4pax+70kg tu P6-BK21
2	P6	0	0	0	0	20	0	4	
3	BK21	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	27	192	1.648	60	17		
WEIGHT KG				192	1.648	60			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2024	TO: BK6 - TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:25
CAM-1			

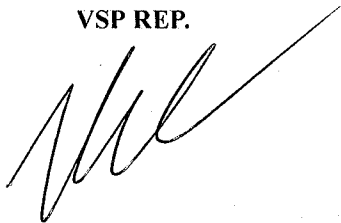
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA NGOC THANH	BK6	31-32	2	18	30	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN NGHI	BK6	36	1	14		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC TRI	BK6	30	1	9	90	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG AN	BK6	33	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TRONG HACH	TD5	22	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUY TAM	TD5	17	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAN VINH	TD5	14-15	2	13		93	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BINH	TD5	10	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	TD5	12	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VAN MANH	TD5	25	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VINH DUY	TD5	26	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	23	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
13	LE TIEN DUONG	TD5	13	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM DANG KHOI	TD5	19	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	11	1	3		92	KHOAN	Vietnamese
16	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	21	1	7		102	KHOAN	Russian
17	PHAM VAN HUONG	TD5	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	BUI DINH PHUC	TD5	09	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC MINH	TD5	18	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	TU DUONG DUNG	TD5	20	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
21	CAO DUC HAI	TD5	08	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
22	HA QUOC DUNG	TD5	24	1	6		77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

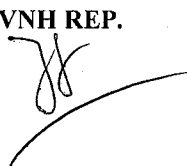
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	5	53	287	120	0		
2	TD5	18	19	107	1.332	0	21		
TOTAL		22	24	160	1.619	120	21		
WEIGHT KG				160	1.619	120			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

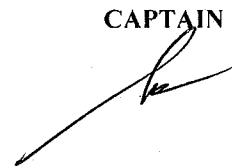
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: P3 - TD3	CREW: TTrung - Linh - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

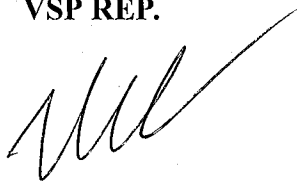
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN TUAN	P3	15	1	10	15	80	PSV	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	02	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ NGỌC THANH	TD3	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THANH DUNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	04	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ VĂN THĂNG	TD3	01	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC BẢO TỬ	TD3	03	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TĂNG GIÁP	TD3	20	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD3	09	1	13		67	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN VỊNH	TD3	10	1	14		93	DVL	Vietnamese
12	VŨ ANH TRỌNG	TD3	11	1	11		72	DVL	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC DUY	TD3	15	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC THỊNH	TD3	18	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẠO MINH HẢI	TD3	16-17	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN THAI THANH	TD3	12	1	15		53	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ QUỐC TUÂN	TD3	07-08	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
18	NGHIÊM TRINH NHẬT	TD3	19	1	11	13	63	XAYLAP	Vietnamese
19	KHÔNG QUỐC TIẾN	TD3	14	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HOÀN	TD3	13	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

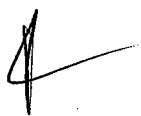
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	1	1	10	80	15	1		
2	TD3	19	19	182	1.333	13	19		
TOTAL		20	20	192	1.413	28	20		
WEIGHT KG				192	1.413	28			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

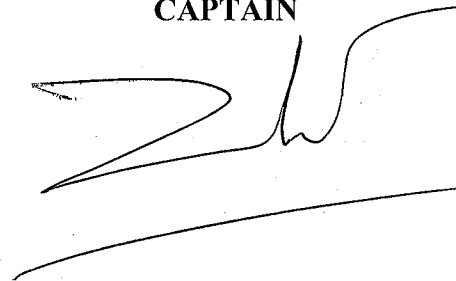
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2024	TO: TD5 - P6 - BK19	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐNam - QTrường	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN TIẾN	TD5	27	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
2	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	42	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN THUY	TD5	40	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẠO XUÂN KHIÊM	TD5	28-29	2	10		46	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	41	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
6	LIU XUÂN HẠNH	TD5	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠO QUANG MINH	TD5	44	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	31	1	10		76	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD5	43	1	11		83	DVL	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	37	1	11		70	DVL	Vietnamese
11	PHẠM QUANG TRUNG	TD5	38	1	12		79	DVL	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN THAI	TD5	36	1	15		67	DVL	Vietnamese
13	HUYNH VŨ TÌNH	TD5	35	1	10		66	DVL	Vietnamese
14	VŨ MẠNH NAM	TD5	30	1	11		76	DVL	Vietnamese
15	KIEU TUẤN ANH	TD5	33-34	2	13		85	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THU	TD5	32	1	14		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	18	150	1.143	0	15		CHUYEN 3 PAX + 70KG P6-BK19
2	P6	0	0	0	0	0	0		
3	BK19	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		16	18	150	1.143	20	15		
WEIGHT KG				150	1.143	20			

GRAND TOAL: 1.313 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P2	7:25	7+15	0+0		4+15	0+0	
2		RP3+RCDM	7:25	17+5	0+0		12+0	0+0	
3		BK3+P4	7:25	9+11	0+0		5+9	0+0	
4		PPD	7:25	19	0		19	0	puma
5		BK15+P9+PPD	9:25	11+5+5	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
6		P5+P11	9:25	11+11	0+0		0+13	0+0	
7		P10+P9	9:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
8		BK10+RP3	11:25	7+13	0+0		5+0	0+0	
9		P10+TD3	11:25	19+3	0+0		18+4	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	TO: TD3 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - M.Đức - Thành -	ETA: 09:20
xanh-l		HIẾU	

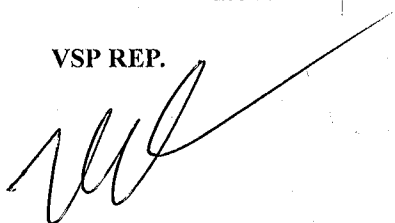
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THĂNG	TD3					80	KH-THAC	Vietnamese
2	KIREEV M.V.	TD3				40	85	NIPI	Russian
3	BAGRAMOVA E.K	TD3	14	1	5		50	NIPI	Russian
4	VŨ DUY KHANH	TD3	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔNG TRUNG HUY	TD3	19	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	TD3	95	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUÂN	TD3	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ SỸ VANG	P2	75	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CHI TUYẾN	P2	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	72	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ CÔNG ANH	P2	76	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN NAM	P2	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	80	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN THỌ	P2	84	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	70	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	73	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	81	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI HOÀNG TÂM	P2	74	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM THIÊN NAM	P2	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ HUY HUNG	P2	78	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH VĂN HAI	P2	79	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC MINH	P2	82-83	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	5	27	486	40	4		
2	P2	15	16	82	1.012	0	15		
TOTAL		22	21	109	1.498	40	19		
WEIGHT KG				109	1.498	40			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP3 - RCDM	CREW: Dương - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:25
VANG-1			

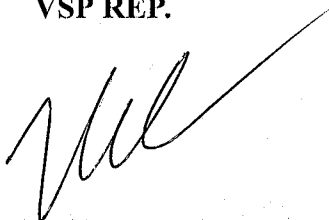
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG THANH HOÀ	RP3	23	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ THANH LÂM	RP3	31	1	2		65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					64	KHI	Vietnamese
4	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	17	1	4		66	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	18	1	4	80	59	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	21	1	6		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	19	1	6		86	KHI	Vietnamese
8	PHẠM DUY DUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	16	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	DUƠNG VĂN VAO	RP3	22	1	5		77	KHI	Vietnamese
11	ĐOÀN MINH TUẤN	RP3	29	1	15		61	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LÊM	RP3	30	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HIỆP THANH	RP3	20	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
14	BELYAEV SERGEY	RP3	15	1	15		83	KH-THAC	Russian
15	VŨ VIỆT HUÂN	RP3	24	1	14	37	71	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN TÂM	RP3	25	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN AN NINH	RP3	26	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH QUANG	RCDM	89,95	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ BÀ HOÀ	RCDM	99	1	20		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TUẤN	RCDM	63-64	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN DUNG	RCDM	79-81	3	17		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ LINH	RCDM	87	1	16	15	61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

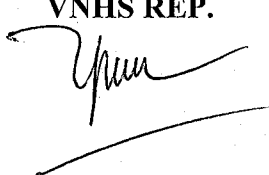
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	15	127	1.188	117	12		
2	RCDM	5	9	88	332	15	0		
TOTAL		22	24	215	1.520	132	12		
WEIGHT KG				215	1.520	132			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	TO: BK3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HTrung - MQUÂN	ETA: 09:30
TRANG-1			

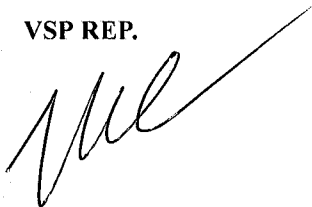
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH QUE	BK3	45	1	6	25	86	KH-THAC	Vietnamese
2	LE CONG VINH	BK3	46	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TRAN VIET	BK3	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHUNG CONG DU	BK3	42	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUC	BK3	51	1	12	80	79	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HONG LINH	BK3	47	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HUNG	BK3	48	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DAO	BK3	49-50	2	13		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUNG (1975)	BK3	44	1	10		75	PSV	Vietnamese
10	LE VAN HUONG	P4	99	1	4		67	KHI	Vietnamese
11	TRAN SON NAM	P4	93	1	5		90	KHI	Vietnamese
12	HOANG DUC LAM ANH	P4	95	1	5		81	KHI	Vietnamese
13	PHAM VAN QUYEN	P4	89-90	2	14		78	KHI	Vietnamese
14	ZHURBIN N. B.	P4	97	1	4		94	KHI	Russian
15	NGUYEN MINH CANG	P4	96	1	5		77	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	P4					76	KHI	Vietnamese
17	TA VAN QUYNH	P4	94	1	6		75	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN CHIEN CONG	P4	98	1	3		68	KHI	Vietnamese
19	PHAN HONG TAM	P4	91-92	2	10		59	KHI	Vietnamese
20	CHU VAN DAT	P4	500	1	6	40	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

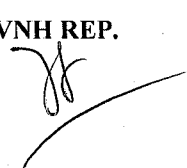
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	9	10	83	664	105	5		
2	P4	11	12	62	828	40	9		
TOTAL		20	22	145	1.492	145	14		
WEIGHT KG				145	1.492	145			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

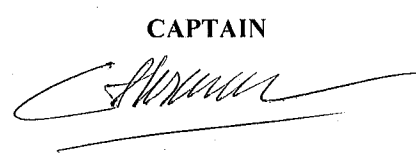
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:31
FLIGHT:	TO: PPD	CREW: ATUÁN - TRƯỜNG	ETA: 09:21
CAM-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÂM QUANG NAM	PPD	13	1	10		75	KHI	Vietnamese
2	HOANG MINH HIẾU	PPD	17	1	8		71	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	15	1	5		68	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	14	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN SƠN	PPD	20-21	2	10		54	KHI	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	01	1	9		66	KHI	Vietnamese
7	VÕ TẠ QUANG	PPD	08	1	5		71	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	03	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	10-11	2	8		62	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	16	1	8		68	KHI	Vietnamese
11	HUYNH NAM LONG	PPD	100	1	7	40	71	KHI	Vietnamese
12	LÊ MINH PHỤNG	PPD	12	1	5		80	KHI	Vietnamese
13	PHUNG VAN CHINH	PPD	07	1	6		79	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG THAI	PPD	04	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	22	1	6		78	KHI	Vietnamese
16	PHI DUY HOAN	PPD	05	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	06	1	6		90	KHI	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN BAN	PPD					83	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	09	1	10		51	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	20	128	1.348	40	19		
TOTAL		19	20	128	1.348	40	19		
WEIGHT KG				128	1.348	40			

GRAND TOAL: 1.516 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: BK15 - P9 - PPD	CREW: Nam - M.Đức - Thành - HIẾU	ETA: 11:40
xanh-2			

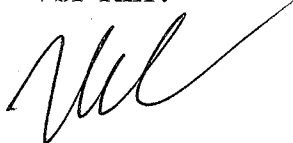
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HẬU	BK15	38	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG XUÂN THAI	BK15	42	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	44	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU TIẾN THANH	BK15	43	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI TIẾN THANH	BK15	41	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN PHƯƠNG	BK15	37	1	5		64	PSV	Vietnamese
7	MAI VĂN TOÀN	BK15	30	1	7		60	PSV	Vietnamese
8	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUỜNG	BK15					65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN THẮNG	BK15	45-47	3	19		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC LONG	BK15	48-49	2	14		65	DVL	Vietnamese
11	LƯU BÀ XÕ	BK15	39-40	2	15		80	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	30	1	5	20	55	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SOÀI	P9	29	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN TUẤN ANH	P9	31	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	25	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG HUY TIẾN	PPD	23	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	ĐO VĂN TỰ	PPD	24	1	5		64	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PPD	26	1	5		74	KHI	Vietnamese
20	DƯƠNG TRƯỞNG LÂM	PPD	27	1	5		70	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LÂM	PPD	25	1	7		90	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

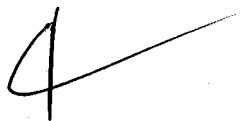
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	11	14	108	797	0	12		
2	P9	5	5	30	371	20	2		
3	PPD	5	5	27	368	0	8		
TOTAL		21	24	165	1.536	20	22		
WEIGHT KG				165	1.536	20			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	TO: P5 - P11	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	P5	49	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT ANH ĐỨC	P5	53	1	16	58	80	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC THỌ	P5	55-56	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ MỸ	P5	59-60	2	17	10	66	XAYLAP	Vietnamese
5	HA MẠNH DUNG	P5	54	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN KHÁC DUY	P5	52	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN MINH	P5	61	1	7	16	60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN KHANH	P5	50-51	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ NGUYỄN HẬU	P5	57	1	10	16	60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN BẠCH	P5	47	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ XUÂN CHÍNH	P5	48	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	01-02	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	12	1	6	20	80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH THIÊN TUNG	P11	13-14	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TRƯỞNG	P11	08	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CÔNG HUY	P11	06	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HÌNH	P11	09	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SỸ CÔNG	P11	03-04	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN KIỆU CANH	P11	10	1	4		72	PSV	Vietnamese
21	PHẠM ANH TUẤN	P11	11	1	9		72	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN KIM SƠN	P11	05	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	11	14	140	755	100	0		
2	P11	11	14	90	805	20	13		
TOTAL		22	28	230	1.560	120	13		
WEIGHT KG				230	1.560	120			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

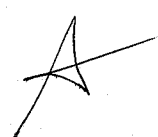
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT:	TO: P10 - P9	CREW: CHIẾN - HTrung - MQUÂN	ETA: 11:50
vang-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH LIEM	P10	24	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
2	IAKIMIDI R.	P10	21	1	8		105	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN THẮNG	P10	23	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	22	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIỀN TUE	P9	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA KÝ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH HOÀI	P9	59	1	7		101	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN HOA	P9	63,65	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUÂN ANH	P9	70	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LĂNG TÚ	P9	74	1	13		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	73	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NAM GIANG	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUY	P9	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	87,92	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC ANH	P9	67	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
18	HƯA SAY	P9	71	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRỊNH HUY KIỆM	P9	93	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	86	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ TUÂN MẠNH	P9	69	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	4	27	325	0	4		
2	P9	18	18	121	1.284	0	18		
TOTAL		22	22	148	1.609	0	22		
WEIGHT KG				148	1.609	0			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	TO: BK10 - RP3	CREW: TTrung - Sơn - QTrường	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN CƯỜNG	BK10	23	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	19	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	21	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	20	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	18	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	BK10	22	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI CAO ĐỊNH	BK10	24	1	7		60	PSV	Vietnamese
8	TA PHI KHÁNH	RP3				60	70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	RP3					73	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	50-51	2	11		91	KHI	Vietnamese
11	MA VĂN THĂNG	RP3	49	1	5		63	KHI	Vietnamese
12	ĐAM VĂN HÙNG	RP3	48	1	6		50	KHI	Vietnamese
13	MAI NGỌC CƯỜNG	RP3	45,47	2	17	42	70	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG HUY HIỆU	RP3	39-40	2	19		55	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	RP3	43-44	2	17		72	KHI	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC TÂN	RP3	41-42	2	14		69	KHI	Vietnamese
17	LƯU VĂN DÂN	RP3	59	1	13		65	CODIEN	Vietnamese
18	HÀ QUANG HUY	RP3	37-38	2	19		67	CODIEN	Vietnamese
19	MAI ĐÌNH KHANG	RP3	36	1	13		48	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC THAI SƠN	RP3	46	1	11	32	71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	7	49	477	0	5		
2	RP3	13	17	145	864	134	0		
TOTAL		20	24	194	1.341	134	5		
WEIGHT KG				194	1.341	134			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2024	TO: P10 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VAN PHU	P10	43	1	5		75	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THAO	P10					71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	31	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	37	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					84	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUONG	P10	41	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHANH TOAN	P10	29	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG ĐẠO	P10	32-33	2	14		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	42	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	28	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	P10	25-26	2	10		94	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN PHUÔNG	P10	40	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	36	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ PHƯƠNG HUƠNG	P10	35	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	30	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HỮU CHÍNH	P10	38	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	34	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
19	HUỲNH CÔNG VĂN	P10	27	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT HA	TD3	12	1	10		74	PSV	Vietnamese
21	CAO DUY LUNG	TD3	13	1	7	40	54	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD3	11	1	11		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	19	100	1.429	0	18		
2	TD3	3	3	28	197	40	4		
TOTAL		22	22	128	1.626	40	22		
WEIGHT KG				128	1.626	40			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNH REP.

Hàng

CAPTAIN

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
FLIGHT: CCN	TO: TD5(+1H30')	CREW: Linh - ĐNam - Huy - Chuyên	ETA: 17:00
XANH			

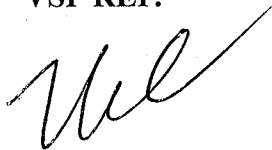
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN LINH	TD5				60	61	BSY	Vietnamese
2	NGUYEN CONG HOAN	TD5	46	1	5		75	ATSK VSP	Vietnamese
3	PHAM QUOC TUAN	TD5					77	TTBV VSP	Vietnamese
4	BUI ANH SON	TD5					62	XN KHOA	Vietnamese
5	DU MINH TIEN	TD5					87	CONG AN	Vietnamese
6	TRUONG DUY VUONG	TD5					82	CONG AN	Vietnamese
7	NGUYEN DUNG	TD5					56	CONG AN	Vietnamese
8	VO DUC HAU	TD5					85	CONG AN	Vietnamese
9	VU DUY THANG	TD5					70	CONG AN	Vietnamese
10	DOAN VAN HONG	TD5					74	VKS	Vietnamese
11	PHAM VAN XUYEN	TD5					65	NGUOI NH	Vietnamese
12	NGUYEN THI HUE LIEN	TD5					60	NGUOI NH	Vietnamese
13	LE THE CHUYEN	TD5					70	VNHS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

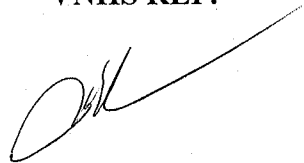
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	13	1	5	924	60	13		THAO GHE LAP CANG
	TOTAL	13	1	5	924	60	13		
	WEIGHT KG			5	924	60			

GRAND TOAL: 989 KGS

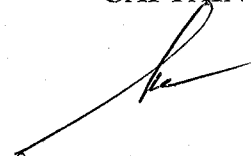
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+P7	7:25	15+6	0+0		0+0	0+0	
2		P2+BK3	9:25	19+2	0+0		0+0	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2024	TO: BK3 - P7	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỒNG QUÂN	BK3	33-34	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG MINH HIẾU	BK3	22-23	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN CÔNG DANH	BK3	31-32	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ VĂN SƠN	BK3	40,63	2	17		53	XAYLAP	Vietnamese
5	HUYNH KÝ MINH TUẤN	BK3	30	1	6	25	65	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ BA TUẤN	BK3	25,41	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐINH QUANG SƠN	BK3	25,200	2	18		55	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG BA NAM	BK3	21-22	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC HẬU	BK3	16	1	17		61	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI THANH TÚ	BK3	62	1	14		63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI LINH	BK3	24	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HAI	BK3	58-59	2	8		50	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐOAN QUANG TRUNG	BK3	23-24	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI MẠNH HÀ	BK3	60-61	2	19		93	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NAM ĐỊNH	BK3	19-20	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ TRẦN TRUNG	P7	59-60	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ HUY BÁC	P7	64-65	2	19		70	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN PHÚ	P7	66-67	2	19		70	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN MẠNH	P7	58	1	13		80	CODIEN	Vietnamese
20	PHAN MẠNH HÙNG	P7	61-63	3	19		68	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CÁN	P7	68	1	8		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	15	26	239	983	25	0		
2	P7	6	11	93	424	0	0		
TOTAL		21	37	332	1.407	25	0		
WEIGHT KG				332	1.407	25			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2024	TO: P2 - BK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUÝ DỪNG	P2	67	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM QUỐC TRƯỞNG	P2	91-92	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN THU	P2	68	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN NIN	P2	86	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU MẠNH TIỀN	P2	66	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG QUYÊN	P2	53-54	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN HUY CUONG	P2	48-49	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI BÀNG	P2	93-94	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	60	1	13	15	65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HIỆU	P2	62	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN DUỖNG	P2	87-88	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
12	PHÙNG THẾ TÀI	P2	63-64	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P2	65	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P2	50-51	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TIỀN	P2	89-90	2	11		60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐIỀU VĂN THÔNG	P2	58-59	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH QUANG THAI	P2	52	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN DỪNG	P2	57	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HUY	P2	55	1	7	18	70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐINH VĂN THIÊN	BK3	36-37	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHANH	BK3	35	1	5		86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	28	265	1.295	33	0		
2	BK3	2	3	20	146	0	0		
TOTAL		21	31	285	1.441	33	0		
WEIGHT KG				285	1.441	33			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP